TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Sơn.

2. Ông Nguyễn Tất Bẩy.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị T** - Sinh năm 1986.

- Địa chỉ: Thôn Đ – Huyện V – Xã TT - Hà Nội.

* Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T** - Sinh năm 1985.

- Địa chỉ: Khu Q - TT C – Huyện LN - Bắc Giang.

Chị T có mặt, anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2018 và những lời khai của chị Đỗ Thị T, lời khai của bị đơn anh Hoàng Văn T và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án

như sau: Chị Đỗ Thị T và anh Hoàng Văn T kết hôn vào tháng 02 năm 2013. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị T anh T có đến Ủy ban nhân dân thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị T anh T về chung sống cùng nhau ngay và ở tại khu Q - TT C - LN - Bắc Giang.

Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Chị T anh T cho rằng hai vợ chồng chỉ chung sống với nhau được một năm đến năm 2014 thì anh T có hành vi vi phạm pháp luật bị xử phạt 19 năm tù. Trong khoảng thời gian đầu anh T đi chấp hành án, chị T cũng thường xuyên thăm hỏi nhưng sau do thời gian thụ án của anh T kéo dài nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị T nhưng bản thân đang phải chấp hành án trong trại giam nên chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T, anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Tiến M - Sinh ngày 17/02/2013. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị T nhận nuôi con chung, anh T không đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung và có nguyện vọng để cho ông bà nội nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T anh T đều xác nhận không có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T và giải quyết việc nuôi con chung. Anh T vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong lời khai của mình anh đồng ý ly hôn với chị T. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng để cho ông bà nội nuôi con chung của anh chị là cháu Hoàng Thái M, không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T không đồng ý.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71. 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Giao cho chị Đỗ Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Hoàng Thái M - Sinh ngày 17/02/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí chị Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Hoàng Văn T. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T anh T tự nguyện tìm hiểu và kết kết hôn với nhau vào năm 2013 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng anh T vi phạm pháp luật phải chấp hành án 19 năm tù. Chị T làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử nhận thấy chị T anh T không có mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống nhưng do anh T phải đi chấp hành án kéo dài 19 năm, hai bên không thể quan tâm, chia sẻ được với nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Hai bên có liên lạc níu kéo nhưng không có kết quả, vợ chồng không ai còn quan tâm tới ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên Tòa ngày hôm nay chị T kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với anh T. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, trong lời khai của mình anh trình bày chị T xin ly hôn anh đồng ý. Do vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị T. Cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung:

Chị T anh T có 01 con chung là: Cháu Hoàng Thái M - Sinh ngày 17/02/2013. Vợ chồng ly hôn anh T có nguyện vọng để cho ông bà nội nuôi cháu Minh, không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có nguyện vọng nuôi cháu M và không đồng ý để cho bố mẹ anh T nuôi dưỡng cháu M. HĐXX thấy rằng anh T hiện nay đang phải chấp hành hình phạt 19 năm tù tại Trại giam nên không đủ điều kiện nuôi con. Hiện tại cháu M vẫn còn nhỏ đang ở ổn định với chị T. Do vậy cần giao cháu Hoàng Thái M cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

1.Cho chị chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2.Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Hoàng Thái M - sinh ngày 17/02/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh Hoàng Văn T được quyền đi lại thăm nuôi con chung là cháu Hoàng Thái M không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2018/0005230 ngày 25/12/2018. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Hào đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND TT C, Huyện LN;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Việt Hùng